

Số: *374* /KH-UBND

Lào Cai, ngày *09* tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020"; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020" - Khôi các cơ quan hành chính nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác cải cách hành chính nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

1.1. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, quyết liệt cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách hành thủ tục hành chính và nâng cao đạo đức công vụ; đẩy mạnh xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chú trọng nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường thông thoáng, công khai, minh bạch nhằm thu hút các nguồn lực, đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh xã hội ở địa phương.

1.2. Tăng cường kỷ luật kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác chuyên môn và coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài.

1.3. Nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện hệ thống quản lý công vụ, công chức theo hướng khoa học, lấy năng lực và kết quả công việc làm thước đo để tuyển dụng, sử dụng công chức.

2. Yêu cầu:

2.1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện.

2.2. Gắn kết chặt chẽ việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2020 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

2.3. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn cải cách hành chính với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. 100% các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bảo đảm đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

2. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định (lũy kế năm 2020 có ít nhất 30% tổng số TTHC trên địa bàn toàn tỉnh được cắt giảm thời gian giải quyết). 100% TTHC được giao dịch, thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp (trừ các TTHC theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP).

- Chất lượng phục vụ của Bộ phận Một cửa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp được nâng cao. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80%.

- 100% các cơ quan, đơn vị ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) duy trì triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công tích hợp một cửa điện tử của tỉnh (I-gate).

3. 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong bộ máy hành chính được rà soát chức năng, nhiệm vụ... để tránh chồng chéo, trùng lặp. Chuyển những việc không nhất thiết phải cơ quan nhà nước thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhận.

4. Thực hiện việc sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế, bảo đảm hoàn thành 100% kế hoạch tinh giản biên chế năm 2020.

5. Xây dựng cơ chế phù hợp để bố trí và sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng; cơ chế đề bạt, bổ nhiệm cạnh tranh vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá kịp thời xử lý các hành vi trái pháp luật, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

6. 100% các Sở, ban, ngành và xã, phường, thị trấn thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. 100% các Sở, ban, ngành, các chi cục thuộc Sở và

huyện, thành phố hoàn thành việc chuyển đổi, áp dụng ISO điện tử phiên bản 9001:2015.

7. Phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật). Tối thiểu 80% hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 20%; Tỷ lệ tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 30%; Tỷ lệ dịch vụ công mức độ 3, 4 đạt 41%; trong đó dịch vụ công mức độ 4 đạt tối thiểu 30%.

- 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- Rút ngắn từ 30%-50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy, tăng cường sử dụng tài liệu điện tử, thông qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- 100% cơ quan nhà nước từ tỉnh tới cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

1.1. Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành, quyết liệt thực hiện toàn diện các nội dung công tác cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính.

1.2. Tăng cường theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai tự theo dõi, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh; xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính áp dụng cho các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân, tổ chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

1.3. Tổ chức bồi dưỡng, phổ biến và quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.4. Đa dạng hóa công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, kết hợp thông tin tuyên truyền với các hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng đối tượng. Công thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử có các chuyên mục dành riêng về công tác CCHC; xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về công tác CCHC của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

1.5. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

2. Cải cách thể chế:

2.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo các văn bản được ban hành kịp thời, đúng quy trình, đảm bảo tính khả thi, hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các thể chế được ban hành. Tăng cường dân chủ, quyền giám sát của nhân dân trong xây dựng thể chế, chính sách.

2.2. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện và xử lý (hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền) những văn bản có nội dung không còn phù hợp, thiếu tính đồng bộ, khả thi.

2.3. Tích cực tuyên truyền, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân biết và thực hiện.

2.4. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2.5. Chuẩn hóa quy trình tiếp thu ý kiến và yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước, trong và sau kỳ họp HĐND các cấp.

3. Cải cách thủ tục hành chính:

3.1. Triển khai các hoạt động kiểm soát TTHC. Tiếp tục rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC theo kế hoạch và theo quy định của Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước.

3.2. Công bố TTHC đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và đúng thời hạn, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

3.3. Niêm yết, công khai TTHC bảo đảm kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, chính xác các TTHC và bộ phận tạo thành TTHC dưới các hình thức thiết thực và thích hợp, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện TTHC.

3.4. Tiếp tục cải cách quy trình xử lý hồ sơ, công việc trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan, các cấp với nhau để sử dụng các nguồn lực được hiệu quả, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm thời gian thực hiện các TTHC, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

3.5. Đổi mới phương thức cung ứng dịch vụ hành chính công theo hướng đơn giản, liên thông, liên kết, hiện đại và trực tuyến.

3.6. Triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai; tiếp tục đầu tư trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa cấp xã đảm bảo theo quy định của Chính phủ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

4.1. Tổ chức thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, phân định chức năng quản lý nhà nước và sự nghiệp công; xóa bỏ chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; điều chỉnh, bổ sung những nhiệm vụ mới cho phù hợp với yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; khuyến khích và tạo điều kiện hình thành và phát triển các đơn vị sự nghiệp theo hướng hoạt động tự chủ, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, môi trường...

4.2. Tiếp tục thực hiện phân cấp hợp lý về quản lý cán bộ, quản lý đầu tư, ngân sách theo hướng: Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ngành, huyện, thành phố và giữa huyện, thành phố với xã, phường, thị trấn, bảo đảm tương ứng giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, đồng bộ với nguồn lực tài chính, phù hợp với năng lực của cán bộ, công chức và các điều kiện cần thiết khác; đồng thời, loại bỏ tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành, các cấp.

4.3. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở.

4.4. Tổ chức thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ HĐND các cấp.

4.5. Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2020.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

5.1. Thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính.

5.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hợp lý về cơ cấu gắn với vị trí việc làm trên cơ sở xác định rõ về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Từng bước xây dựng hệ thống vị trí chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý.

5.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo các hình thức: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc theo vị trí chức danh và chuyên ngành dành cho các đối tượng công chức.

5.4. Đổi mới và hoàn thiện chế độ tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và phẩm chất của công chức, viên chức trúng tuyển. Thực hiện chế độ thi nâng ngạch, thi tuyển lãnh đạo (cấp sở và tương đương trở xuống) theo nguyên tắc cạnh tranh.

5.5. Hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc; xây dựng cơ chế trả thu nhập và khen thưởng theo kết quả hoàn thành công việc; vinh danh cán bộ, công chức, viên chức tiêu biểu.

5.6. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trên các lĩnh vực.

5.7. Có giải pháp thiết thực nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chế tài đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

6. Cải cách tài chính công:

6.1. Tiếp tục cải tiến quy trình, TTHC trong quản lý ngân sách.

6.2. Đẩy mạnh cải cách trong quản lý chi tiêu công, tập trung cải cách lĩnh vực quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp địa phương.

6.3. Đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; nghiên cứu hình thành quỹ tiền lương nhằm tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

6.4. Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách phù hợp và tăng quyền chủ động trong huy động nguồn thu, thực hiện nhiệm vụ chi, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội cho các chính quyền. Thực hiện phân cấp quản lý tài chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của từng cơ quan hành chính, sự nghiệp.

6.5. Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tổ chức bộ máy, con người, tài chính... của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch; chuyển dần các hoạt động sự nghiệp sang cơ chế có thu tự trang trải hoặc tiến hành xã hội hóa để các thành phần kinh tế khác tham gia; từng bước xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công.

6.6. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí chi cho hoạt động sự nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp.

7. Hiện đại hóa hành chính:

7.1. Phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, bảo đảm đồng bộ, kết nối liên thông, an toàn thông tin và an ninh mạng.

7.2. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh thông tin, từng bước mở rộng đến cấp xã, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của toàn tỉnh, phát triển chính quyền điện tử.

7.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện liên thông giữa các cơ quan trong cùng cấp và các cấp hành chính nhằm hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao tính công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm

chi phí hoạt động, giảm thời gian, số lần người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các TTHC.

Thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đẩy mạnh việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước (trừ văn bản hệ mật), kết nối, công khai kết quả tiếp nhận, xử lý văn bản trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Tăng cường sử dụng tài liệu điện tử thay thế cho tài liệu giấy thông qua các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Đẩy mạnh hợp giao ban trực tuyến giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với UBND cấp huyện, cấp xã.

7.4. Đẩy mạnh cung cấp, phát triển dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.5. Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7.6. Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và từng bước đến cấp xã.

7.7. Thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trong bộ máy chính quyền của tỉnh, triển khai ISO điện tử.

(Chi tiết các hoạt động chủ yếu thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2020 tại Phụ lục đính kèm theo Kế hoạch này).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình cải cách hành chính: Ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hoá, nguồn khác (nếu có). Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính.

Tổng kinh phí: **17.831** triệu đồng *(Khái toán kinh phí chi tiết thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2020 tại Phụ lục đính kèm theo Kế hoạch này).*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

1.1. Là cơ quan thường trực, tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện, quyết định các giải pháp tăng cường chỉ đạo điều hành hiệu quả công tác CCHC; theo dõi, đánh giá, định kỳ (quý, 6 tháng, năm) báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch này.

1.2. Chủ trì việc triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và các nội dung khác liên quan. Đôn đốc, hướng dẫn các sở ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch CCHC và kinh phí thực hiện năm 2020 theo Kế hoạch này.

1.3. Tổng hợp, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành báo cáo công tác cải cách hành chính theo quý, 6 tháng và năm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

1.4. Triển khai rà soát nội dung Bộ chỉ số CCHC của tỉnh để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) các tiêu chí đánh giá cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

1.5. Phối hợp với các cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Thẩm định nguồn vốn, dự toán kinh phí chi tiết các hoạt động CCHC, trình UBND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các hoạt động.

3. Trách nhiệm của các sở, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện:

3.1. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC tại đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phân công; lập dự toán kinh phí thực hiện công tác CCHC gửi về Sở Nội vụ theo dõi và Sở Tài chính để thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm xây dựng báo cáo kết quả triển khai công tác cải cách hành chính gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch công tác cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2020, yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo, giải quyết. / *phai*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁, VX₁, NC_{2,3}, KSTT.

phai

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong



PHỤ LỤC
NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ KHAI TOÁN KINH PHÍ

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2020
(Bao gồm thực hiện Đề án số 19 - ĐA/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, Toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai" - Khối các cơ quan hành chính nhà nước năm 2020)
(Kèm theo Kế hoạch số 34 /KH-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

Kinh phí thực hiện năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí	NS huyện theo phân cấp	Nguồn dự toán chi TX theo định mức	Nguồn xã hội hóa	Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung	Chia ra				Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
							Nguồn sự nghiệp đào tạo	Nguồn sự nghiệp khoa học	Sự nghiệp PT-TH (đất hàng)	Quản lý nhà nước			
		1=2+3 +4+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	<u>17.831</u>	<u>570</u>	<u>110</u>	<u>100</u>	<u>17.051</u>	<u>1.484</u>	<u>635</u>	<u>403</u>	<u>14.529</u>	-	-	-
I	Cải cách thể chế	40	0	0	0	40	0	0	0	40			
I	Hội thảo chuyên đề về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL dành cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện	40				40				40	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
II	Cải cách Thủ tục hành chính	3,819	0	0	0	3,819	0	0	0	3,819			
1	Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm soát TTHC giai đoạn 2016 - 2020 (Gộp cả hoạt động 2.6 theo Đề án số 19 - ĐA/TU, lý do: hoạt động 2.6 tỉnh Lào Cai đã chuẩn hóa	219				219				219	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	

	xong bộ TTHC)																			
2	Triển khai áp dụng một cửa liên thông điện tử tại 09 đơn vị hành chính cấp xã (mỗi huyện, thành phố chốt 01 đơn vị cấp xã)	3,600							3,600						3,600				Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố
III	Cải cách tổ chức bộ máy	1,173	0	0	0	1,173	288	635	0	250										
1	Cải cách tổ chức bộ máy năm 2019; Rà soát, chuyển đổi mô hình hoạt động đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 16/NĐ-CP (tự chủ và chuyên đổi mô hình doanh nghiệp)																		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2	Xây dựng điều chỉnh vị trí, việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	200				200				200									Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
3	Rà soát, chuyển đổi mô hình hoạt động đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 16/NĐ-CP (tự chủ và chuyên đổi mô hình doanh nghiệp)																		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
4	Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	597				597		597											Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan
5	Tập huấn kiến thức Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn tỉnh.	288				288	288												Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6	Cử cán bộ đi đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL cho các cán bộ thực hiện việc kiểm tra của Sở Khoa học - CN và một số sở ngành.	38				38		38											Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

7	Xây dựng, triển khai, thực hiện tình giảm biên chế các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2016 - 2020.	50						50						50	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp	
IV	Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức	649	0	0	0	649	649	0	0	0							
1	Tập huấn nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính, làm tại Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	306				306	306								Sở Nội vụ (Phòng CCHC)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
2	Tập huấn thực hiện các dịch vụ hành chính công trong kỷ nguyên 4.0; Chính quyền kiến tạo trong cách mạng công nghiệp 4.0 cho cán bộ, công chức cấp xã trong thực hiện giải quyết công việc chuyên môn.	343				343	343								Sở Nội vụ (Phòng CCHC)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
V	Cải cách tài chính công	50	0	50	0	0	0	0	0	0							
1	Đẩy mạnh và hoàn thiện các cơ chế tài chính, đẩy nhanh tiến độ xây dựng giá dịch vụ; phối hợp với các ngành trong việc ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời đánh giá mức độ tác động của cơ chế tự chủ tài chính và khoản kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	50		50		0									Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	

VI	Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước	10,398	570	0	0	9,828	410	0	0	9,418		
1	Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác ứng dụng CNTT, hiện đại hóa nền hành chính	29				29				29	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2	Tổ chức đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT thúc đẩy CCHC	22				22				22	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ
3	Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan Nhà nước	305				305	60			245	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
4	Thuê phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	1,500				1,500				1,500	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
5	Thuê phần mềm dịch vụ hành chính công (một cửa liên thông)	1,413				1,413				1,413	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6	Công thông tin điện tử tỉnh Lào Cai:	555				555				555		
-	Thuê phần mềm Công thông tin điện tử tỉnh Lào Cai	330				330				330	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan
-	Đào tạo, tập huấn kỹ năng quản lý, cập nhật thông tin, quản trị kỹ thuật công TTĐT cho cấp xã và các đơn vị tổ chức công TTĐT	65				65				65	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan

	thành viên; đào tạo kỹ năng quản lý, vận hành chuyên mục “ý kiến, kiến nghị cử tri online”																					
-	Phân tích thiết kế, xây dựng chuyên mục ý kiến, kiến nghị cử tri	50				50				50					50							
-	Thuê dịch vụ CNTT bộ phần mềm Công TTĐT cấp xã năm 2020; khảo sát, quản lý, giám sát, nghiệm thu phần mềm	110				110				110					110							
7	Nâng cấp, sửa chữa, duy trì hệ thống giám sát, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với CBCCC làm việc tại bộ phận một cửa	75				75				75					75							
8	Hỗ trợ máy scan cho huyện Văn Bàn, Bảo Thắng phục vụ công tác dịch vụ công trực tuyến (Văn Bàn 23 xã x 15 triệu/xã; huyện Bảo Thắng 15 xã x 15 triệu/xã).	570	570																			
9	Xây dựng phần mềm quản lý hộ chiếu ngoại giao, công vụ.	1,347				1347				1347					1347							
10	Xây dựng Hệ thống chấm điểm chỉ số CCHC cấp huyện tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	2,632				2,632				2,632					2,632							
																						Thực hiện khi có chỉ đạo của UBND tỉnh (báo cáo sự cần thiết xây dựng mới hoặc thuê dịch vụ CNTT hoặc nâng cấp trên cơ sở phần mềm chấm

-	Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến của Sở Kế hoạch và Đầu tư	200							200	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
-	Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến của Trường Chính trị tỉnh	150						150	150	Trường Chính trị tỉnh		
-	Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến của Vườn quốc gia Hoàng Liên	200						200	200	Vườn quốc gia Hoàng Liên		
VII	Công tác tuyên truyền về CCHC	771	0	0	0	0	0	403	368			
1	Tổ chức tuyên truyền về Chương trình CCHC trên sóng truyền hình Lào Cai	403						403		Sở Nội vụ	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	
2	Tổ chức tuyên truyền về Chương trình CCHC trên sóng Phát thanh Lào Cai									Sở Nội vụ	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	
3	Hỗ trợ cho các huyện, thành phố tuyên truyền về công tác CCHC (in pano, tuyên truyền trên sóng phát thanh của huyện, thành phố). (30triệu/1huyện x 9 = 270 triệu).	270						270	270	UBND các huyện, thành phố	Sở Văn hóa - TT &DL, Đài PT-TH tỉnh.	
4	Thực hiện công tác tuyên truyền về dịch vụ công mức 3, mức 4 (bảng hình thức in tờ rơi) (KL số 413/KL-TU ngày 20/11/2017)	98						98	98	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	

Handwritten signature

VIII	Công tác chi đạo điều hành	931	0	60	100	771	137	0	0	634		
1	Giám sát - Đánh giá Công tác CCHC hàng năm	40				40				40	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2	Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); cấp huyện (DCI).	100			100	0					Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
3	Cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX)	102				102				102	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
4	Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số Công nghệ thông tin (ICT INDEX)	60		60		0					Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
5	Điều tra sự hài lòng của người dân đối với công tác CCHC	237				237				237	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6	Tập huấn bồi dưỡng kỹ năng làm việc chuyên nghiệp tại VP HĐND tỉnh, các huyện, thành phố	137				137	137				Văn phòng HĐND tỉnh	Các đơn vị liên quan
7	Tổ chức hội nghị tổng kết CCHC giai đoạn 2016-2020; Khen thưởng công tác CCHC giai đoạn 2016-2020 (Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019)	142				142				142	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện



Handwritten signature in blue ink.

<p>8</p> <p>Xây dựng kế hoạch CCHC giai đoạn 5 năm (2021-2025), Kế hoạch tuyên truyền 5 năm; Kế hoạch điều tra 5 năm (2021-2025); Chính sửa, bổ sung bộ chỉ số CCHC năm 2020 = 04 kế hoạch x 5 triệu/kế hoạch (Thông tư 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 và Nghị quyết 02/NQ-HĐND về điều tra, thông kê)</p>	113				113				113	Số Nội vụ	Các số, ban, ngành; UBND cấp huyện		
<p>9</p> <p>Văn phòng phẩm, xăng xe phục vụ cho hoạt động chỉ đạo của cơ quan thường trực CCHC tỉnh</p>										Số Nội vụ			
<p>10</p> <p>Bổ trí trang thiết bị cho cơ quan thường trực CCHC</p>										Số Nội vụ			

for